TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Bình,

2. Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Minh Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi V Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên toà số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị C, sinh năm 20xx; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh L, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Đức V, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn (chị Triệu Thị C) trình bày:

Chị và anh Phan Đức V kết hôn với nhau tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã T vào ngày 23 tháng 02 năm 2021. Quá trình chung sống, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh V ham chơi, không quan tâm đến

gia đình, vợ con. Chị C và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Vì nguyên nhân trên dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị C yêu cầu được ly hôn anh V. Anh chị có 01 con chung là Phan Gia H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2021. Khi ly hôn, chị C đề nghị Toà án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con chị C xin tự thoả thuận với anh V, không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh chị không có tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết các V bản tố tụng, yêu cầu anh V giao nộp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án và triệu tập anh V đến làm việc nhưng anh V không thực hiện.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Chị C và anh V có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tiên Minh theo quy định pháp luật. Từ cuối năm 2021, chị C đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh chị có 01 con chung như chị C khai; kể từ khi anh chị sống ly thân, con chung do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có V bản thể hiện việc thay đổi ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không giao nộp bản tự khai, vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa là thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Triệu Thị C được ly hôn anh Phan Đức V; giao con Phan Gia H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2021 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung, không có đương

sự nào yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị C thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; anh Phan Đức V là bị đơn, hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Phan Đức V) đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành triệu tập của Tòa án. Tòa án đã thực hiện cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ V bản tố tụng cho anh V; tạo điều kiện cho anh V thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Việc anh V không có mặt theo giấy triệu tập, không giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án là tự tự mình từ bỏ các quyền và không chấp hành các nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn (chị Triệu Thị C) vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn (anh Phan Đức V) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và các khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh V.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị C và anh Phan Đức V được xác lập từ ngày 23 tháng 02 năm 2021 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, một phần do anh V ham chơi, không quan tâm tới gia đình, vợ con nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân nhau thời gian dài (từ đầu năm 2023 đến nay), không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, xử cho chị C được ly hôn anh V.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phan Gia H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2021. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Chị C hiện làm công nhân, có thu nhập và nơi ở ổn định, nhận trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; anh V là lao động tự do, công việc không ổn định, quá trình giải quyết vụ án không có quan điểm về con chung. Như vậy có thể thấy điều kiện nhận trực tiếp nuôi con của chị C hiện hơn anh V. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ các khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, chị C xin tự thoả thuận với anh V, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 96; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị C được ly hôn anh Phan Đức V.

2. Về con chung: Giao con Phan Gia H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2021 cho chị Triệu Thị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc só sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị C đã nộp đủ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008948 ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Đương sự (để thi hành);
- Chi cục THADS huyệnTiên Lãng;
- UBND xã Đại Thắng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng (ĐKKH số 11/2021);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang